

My name is: _____

WORKSHEET (FF2_UNIT6)

Date:



Teacher's feedbacks

Topic: Activities

Vocabulary: Review

Structure: Review

Task 1: Choose the option with PRESENT SIMPLE: (Chọn đáp án với từ trong ngoặc với thì Hiện tại đơn)

Present simple

1 Choose the correct option:

- I play / plays football every Saturday.
- He play / plays football on Sundays.
- She live / lives in Poland.
- Kate and I tidy / tidies our rooms everyday.
- I often help / helps my mum.
- My dad never do / does the shopping.
- Helen vacuum / vacuums the carpet once a week.
- Tim and Paul do / don't play / plays the guitar.



Task 2: Write the verbs in 3rd person: (Ghi động từ ở ngôi thứ 3 số ít)

NGUYÊN TẮC THÊM S, ES VÀO SAU DANH TỪ, ĐỘNG TỪ



Tận cùng	Thêm -s hay -es	Ví dụ
s, ss, sh, ch, z, x	thêm -es	Box → Boxes
phụ âm + o	thêm -es	Tomato → Tomatoes
nguyên âm + o	thêm -s	Piano → Pianos
phụ âm + y	thay -y bằng -i, thêm -es	Baby → Babies
nguyên âm + y	thêm -s	Say → Says



watch →	watches
play →	
read →	
practise →	
ride →	
cry →	
buy →	
brush →	
tidy →	
wear →	
live →	
enjoy →	

fly →	
do →	
say →	
go →	
arrive →	
have →	
teach →	
carry →	
drink →	
cook →	
sing →	
study →	

Task 3: Fill in the gaps with Present simple: (Điền vào chỗ trống với thì Hiện tại đơn)

1. She _____ (be not) at the party right now.
2. They _____ (be not) happy with the result.
3. I _____ (be not) tired today.
4. Our teachers _____ (be not) ready to go yet.
5. He _____ (be not) in the office this morning.
6. Diamond _____ (not like) coffee.
7. The children _____ (not go) to the gym on Sundays.
8. They _____ (not play) football in the evening.
9. I _____ (not watch) TV on weekdays.
10. He _____ (not study) in the library every day.



THÌ HIỆN TẠI ĐƠN

ĐỘNG TỪ TO BE

- ⊕ S + am/ is/ are + ...
- ⊖ S + am/are/is + not + ...
- ⌚ Am/ Are/ Is (not) + S ...?

ĐỘNG TỪ THƯỜNG

- ⊕ S + V(nguyên thể/s/es)
- ⊖ S + do/does + not + V ...
- ⌚ Do/Does + S + V ...?